

I. MỤC TIÊU

Đánh giá việc lĩnh hội kiến thức của học sinh về .

1. Kiến thức .

- Đặc điểm vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; Đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ
- Mối quan hệ giữa tự nhiên với phát triển kinh tế, xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; Đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ

2. Kỹ năng .

- Rèn kỹ năng làm bài kiểm tra địa lý.
- Phát triển cách tư duy địa lý theo mối quan hệ nhân quả.
- Hệ thống hoá kiến thức theo sơ đồ.

3. Thái độ

- Có tinh thần học tập, nghiêm túc, độc lập khi làm bài kiểm tra.

II. MA TRẬN.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Nội dung	Mức độ nhận thức								Tổng điểm
	Biết (40 %)		Hiểu (30 %)		Vận dụng (20 %)		Vận dụng cao (10 %)		
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	5 câu 1,25		4 câu 1 đ	1 câu 2 điểm				1 câu- 1 đ	5,25 điểm
Vùng Đồng bằng sông Hồng	4 câu- 1 đ					1 câu- 2 đ			3 điểm
Vùng Bắc Trung Bộ	7 câu 1,75								1,75 điểm
Tổng điểm	4 điểm		3 điểm		2 điểm		1 điểm		10 điểm

ĐỀ 1

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm) Chọn chữ cái trước đáp án đúng

Câu 1: Hai trung tâm kinh tế lớn nhất ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. Hà Nội và Hải Dương. B. Hà Nội và Hải Phòng.
C. Hà Nội và Nam Định. D. Hà Nội và Hà Đông.

Câu 2: So với khu vực Tây Bắc, khu vực Đông Bắc của miền Trung du và miền núi Bắc Bộ có

- A. mùa đông đến sớm và kết thúc muộn hơn.
B. mùa đông đến sớm và kết thúc sớm hơn.
C. mùa đông đến muộn và kết thúc muộn hơn.
D. mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn.

Câu 3: Ở vùng Đồng bằng sông Hồng, sông Hồng **không có** ý nghĩa nào đối với sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư?

- A. Cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt. B. Bồi đắp phù sa
C. Mở rộng diện tích về phía vịnh Bắc Bộ. D. Trao đổi buôn bán trên sông.

Câu 4: Các tỉnh, thành phố **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ là

- A. Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Trị. B. Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình.
C. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi. D. Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Thừa Thiên – Huế.

Câu 5: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng lãnh thổ phía nào?

- A. Bắc B. Tây C. Đông D. Nam

Câu 6: Diện tích tự nhiên của vùng Bắc Trung Bộ là 95,8 nghìn km², dân số là 19,8 triệu người (2016). Vậy mật độ dân số của Bắc Trung Bộ là

- A. 153 người/km². B. 189,6 người/km².
C. 206,7 người/km². D. 151,5 người/km².

Câu 7: Cây công nghiệp được coi là thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. hồ tiêu. B. chè. C. cà phê. D. cao su.

Câu 8: Vị trí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ không có những đặc điểm nào sau đây?

- A. Giáp vùng kinh tế duyên hải Nam Trung Bộ, đồng bằng sông Cửu Long.
B. Vùng biển rộng ở Đông Nam
C. Trục thuộc khu vực gió mùa ngoại chí tuyến
D. Giáp Trung Quốc, Thượng Lào

Câu 9: Với diện tích 95.222,3 km² và dân số năm 2016 là 12 triệu người, mật độ dân số của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. 128 người/ km². B. 126 người/km². C. 162 người/ km². D. 182 người/ km².

Câu 10: Khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. dầu khí. B. bôxít. C. vàng. D. than.

- Câu 11:** Các nhà máy thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là
 A. Hòa Bình, Trị An, Sơn La. **B. Hòa Bình, Thác Bà, Sơn La.**
 C. Đa Nhim, Thác Bà, Sơn La. **D. Hòa Bình, Thác Bà, Trị An.**
- Câu 12:** Đặc điểm **không phải** của khu vực dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là
 A. cơ cấu khá đa dạng.
B. tập trung chủ yếu ở nông thôn.
 C. Hà Nội là trung tâm dịch vụ lớn nhất của vùng.
 D. chiếm tỷ trọng cao nhất trong GDP.
- Câu 13:** Một trong những khó khăn lớn nhất về tự nhiên ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của nhân dân vùng Bắc Trung Bộ là
 A. tài nguyên khoáng sản hạn chế. **B. cơ sở hạ tầng thấp kém.**
 C. mật độ dân cư thấp. **D. thiên tai thường xuyên xảy ra.**
- Câu 14:** Đặc điểm kinh tế - xã hội **không phải** của Đồng bằng sông Hồng là
 A. vùng có lịch sử khai thác sớm nhất cả nước. **B. sản lượng lúa lớn nhất cả nước.**
 C. dân số tập trung đông nhất cả nước. **D. năng suất lúa cao nhất cả nước.**
- Câu 15:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, tỉ trọng GDP của vùng Bắc Trung Bộ so với GDP cả nước năm 2007 là
 A. 9,8%. **B. 7,8%. C. 6,8%. D. 8,8%.**
- Câu 16:** Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là
 A. duyên hải Nam Trung Bộ. **B. Bắc Trung Bộ.**
 C. trung du và miền núi Bắc Bộ. **D. đồng bằng sông Hồng.**
- Câu 17:** Thế mạnh nào sau đây **không phải** của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?
A. Chăn nuôi gia cầm (đặc biệt là vịt đàn)
 B. Phát triển tổng hợp kinh tế biển và du lịch.
 C. Trồng và chế biến cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới.
 D. Khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện.
- Câu 18:** Ven biển của vùng Bắc Trung Bộ có khả năng phát triển
A. đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. **B. chăn nuôi gia súc.**
 C. khai thác dầu khí. **D. trồng cây công nghiệp lâu năm.**
- Câu 19:** Giao thông vận tải có vai trò quan trọng trong nền kinh tế của Bắc Trung Bộ do
 A. có nhiều tuyến đường nối các cảng biển của Việt Nam với Lào.
 B. nằm trên tuyến đường hàng hải quốc tế.
 C. có nhiều tuyến giao thông quan trọng đi qua.
D. là địa bàn trung chuyển hàng hóa Bắc – Nam và Tây – Đông.
- Câu 20:** Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống
 A. sông Hồng và sông Lục Nam. **B. sông Hồng và sông Đà.**
C. sông Hồng và sông Thái Bình. **D. sông Hồng và sông Cầu.**

II. TỰ LUẬN (5 điểm).

Câu 1 (2 điểm). Hãy nêu những thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

Câu 2 (1 điểm): Tại sao trung du Bắc Bộ là địa bàn đông dân và phát triển kinh tế xã hội cao hơn miền núi Bắc Bộ?

Câu 3 (2 điểm). Cho bảng số liệu sau

Tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực, bình quân lương thực đầu người ở Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1995-2007 (Đơn vị: %)

Tiêu chí	Năm				
	1995	1998	2000	2005	2007
Dân số	100	104.8	107.8	115.4	118.3
Sản lượng lương thực	100	117.7	132.1	151.6	154.0
Bình quân lương thực đầu người	100	112.3	122.5	131.3	130.1

a. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ gia tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực đầu người ở Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1995-2007.

b. Hãy cho biết việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số có ảnh hưởng như thế nào tới đảm bảo lương thực của vùng?

ĐỀ 2

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm) Chọn chữ cái trước đáp án đúng

Câu 1: Với diện tích 95.222,3 km² và dân số năm 2016 là 12 triệu người, mật độ dân số của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. 128 người/ km². **B. 126 người/km².** C. 162 người/ km². D. 182 người/ km².

Câu 2: Khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. dầu khí. B. bôxít. C. vàng. **D. than.**

Câu 3: Các nhà máy thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Hòa Bình, Trị An, Sơn La. **B. Hòa Bình, Thác Bà, Sơn La.**

- C. Đa Nhim, Thác Bà, Sơn La. D. Hòa Bình, Thác Bà, Trị An.

Câu 4: Đặc điểm **không phải** của khu vực dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. cơ cấu khá đa dạng.
B. tập trung chủ yếu ở nông thôn.
C. Hà Nội là trung tâm dịch vụ lớn nhất của vùng.
D. chiếm tỷ trọng cao nhất trong GDP.

Câu 5: Một trong những khó khăn lớn nhất về tự nhiên ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của nhân dân vùng Bắc Trung Bộ là

- A. tài nguyên khoáng sản hạn chế. B. cơ sở hạ tầng thấp kém.
C. mật độ dân cư thấp. **D. thiên tai thường xuyên xảy ra.**

Câu 6: Hai trung tâm kinh tế lớn nhất ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. Hà Nội và Hải Dương. **B. Hà Nội và Hải Phòng.**
C. Hà Nội và Nam Định. D. Hà Nội và Hà Đông.

Câu 7: So với khu vực Tây Bắc, khu vực Đông Bắc của miền Trung du và miền núi Bắc Bộ có

- A. mùa đông đến sớm và kết thúc muộn hơn.**
B. mùa đông đến sớm và kết thúc sớm hơn.
C. mùa đông đến muộn và kết thúc muộn hơn.
D. mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn.

Câu 8: Ở vùng Đồng bằng sông Hồng, sông Hồng **không có** ý nghĩa nào đối với sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư?

- A. Cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt. B. Bồi đắp phù sa
C. Mở rộng diện tích về phía vịnh Bắc Bộ. **D. Trao đổi buôn bán trên sông.**

Câu 9: Các tỉnh, thành phố **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ là

- A. Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Trị. B. Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình.
C. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi. D. Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Thừa Thiên – Huế.

Câu 10: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng lãnh thổ phía nào?

- A. Bắc** B. Tây C. Đông D. Nam

- Câu 11:** Đặc điểm kinh tế - xã hội **không phải** của Đồng bằng sông Hồng là
A. vùng có lịch sử khai thác sớm nhất cả nước. **B. sản lượng lúa lớn nhất cả nước.**
C. dân số tập trung đông nhất cả nước. **D.** năng suất lúa cao nhất cả nước.
- Câu 12:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, tỉ trọng GDP của vùng Bắc Trung Bộ so với GDP cả nước năm 2007 là
A. 9,8%. **B.** 7,8%. **C. 6,8%.** **D.** 8,8%.
- Câu 13:** Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là
A. duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Bắc Trung Bộ.
C. trung du và miền núi Bắc Bộ. **D. đồng bằng sông Hồng.**
- Câu 14:** Thế mạnh nào sau đây **không phải** của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?
A. Chăn nuôi gia cầm (đặc biệt là vịt đàn)
B. Phát triển tổng hợp kinh tế biển và du lịch.
C. Trồng và chế biến cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới.
D. Khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện.
- Câu 15:** Diện tích tự nhiên của vùng Bắc Trung Bộ là 95,8 nghìn km², dân số là 19,8 triệu người (2016). Vậy mật độ dân số của Bắc Trung Bộ là
A. 153 người/km². **B.** 189,6 người/km².
C. 206,7 người/km². **D.** 151,5 người/km².
- Câu 16:** Cây công nghiệp được coi là thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là
A. hồ tiêu. **B. chè.** **C.** cà phê. **D.** cao su.
- Câu 17:** Vị trí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ không có những đặc điểm nào sau đây?
A. Giáp vùng kinh tế duyên hải Nam Trung Bộ, đồng bằng sông Cửu Long.
B. Vùng biển rộng ở Đông Nam
C. Trực thuộc khu vực gió mùa ngoại chí tuyến
D. Giáp Trung Quốc, Thượng Lào
- Câu 18:** Ven biển của vùng Bắc Trung Bộ có khả năng phát triển
A. đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. **B.** chăn nuôi gia súc.
C. khai thác dầu khí. **D.** trồng cây công nghiệp lâu năm.
- Câu 19:** Giao thông vận tải có vai trò quan trọng trong nền kinh tế của Bắc Trung Bộ do
A. có nhiều tuyến đường nối các cảng biển của Việt Nam với Lào.
B. nằm trên tuyến đường hàng hải quốc tế.
C. có nhiều tuyến giao thông quan trọng đi qua.
D. là địa bàn trung chuyển hàng hóa Bắc – Nam và Tây – Đông.
- Câu 20:** Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống
A. sông Hồng và sông Lục Nam. **B.** sông Hồng và sông Đà.
C. sông Hồng và sông Thái Bình. **D.** sông Hồng và sông Cầu.

II. TỰ LUẬN (5 điểm).

Câu 1 (2 điểm). Hãy nêu những thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

Câu 2 (1 điểm): Tại sao trung du Bắc Bộ là địa bàn đông dân và phát triển kinh tế xã hội cao hơn miền núi Bắc Bộ?

Câu 3 (2 điểm). Cho bảng số liệu sau

Tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực, bình quân lương thực đầu người ở Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1995-2007 (Đơn vị: %)

Tiêu chí	Năm				
	1995	1998	2000	2005	2007
Dân số	100	104.8	107.8	115.4	118.3
Sản lượng lương thực	100	117.7	132.1	151.6	154.0
Bình quân lương thực đầu người	100	112.3	122.5	131.3	130.1

a. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ gia tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực đầu người ở Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1995-2007.

b. Hãy cho biết việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số có ảnh hưởng như thế nào tới đảm bảo lương thực của vùng?

ĐỀ 3

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm) Chọn chữ cái trước đáp án đúng

Câu 1: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng lãnh thổ phía nào?

- A. Bắc B. Tây C. Đông D. Nam

Câu 2: Diện tích tự nhiên của vùng Bắc Trung Bộ là 95,8 nghìn km², dân số là 19,8 triệu người (2016). Vậy mật độ dân số của Bắc Trung Bộ là

- A. 153 người/km². B. 189,6 người/km².
C. 206,7 người/km². D. 151,5 người/km².

Câu 3: Cây công nghiệp được coi là thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. hồ tiêu. B. chè. C. cà phê. D. cao su.

Câu 4: Vị trí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ không có những đặc điểm nào sau đây?

- A. Giáp vùng kinh tế duyên hải Nam Trung Bộ, đồng bằng sông Cửu Long.
B. Vùng biển rộng ở Đông Nam
C. Trục thuộc khu vực gió mùa ngoại chí tuyến
D. Giáp Trung Quốc, Thượng Lào

Câu 5: Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là

- A. duyên hải Nam Trung Bộ. B. Bắc Trung Bộ.
C. trung du và miền núi Bắc Bộ. D. đồng bằng sông Hồng.

Câu 6: Thế mạnh nào sau đây **không phải** của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Chăn nuôi gia cầm (đặc biệt là vịt đàn)
B. Phát triển tổng hợp kinh tế biển và du lịch.
C. Trồng và chế biến cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới.
D. Khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện.

Câu 7: Ven biển của vùng Bắc Trung Bộ có khả năng phát triển

- A. đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. B. chăn nuôi gia súc.
C. khai thác dầu khí. D. trồng cây công nghiệp lâu năm.

Câu 8: Giao thông vận tải có vai trò quan trọng trong nền kinh tế của Bắc Trung Bộ do

- A. có nhiều tuyến đường nối các cảng biển của Việt Nam với Lào.
B. nằm trên tuyến đường hàng hải quốc tế.
C. có nhiều tuyến giao thông quan trọng đi qua.
D. là địa bàn trung chuyển hàng hóa Bắc – Nam và Tây – Đông.

Câu 9: Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống

- A. sông Hồng và sông Lục Nam. B. sông Hồng và sông Đà.
C. sông Hồng và sông Thái Bình. D. sông Hồng và sông Cầu.

Câu 10: Với diện tích 95.222,3 km² và dân số năm 2016 là 12 triệu người, mật độ dân số của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. 128 người/ km². **B. 126 người/km².** C. 162 người/ km². D. 182 người/ km².

Câu 11: Khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. dầu khí. B. bôxít. C. vàng. **D. than.**

Câu 12: Các nhà máy thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. Hòa Bình, Trị An, Sơn La. **B. Hòa Bình, Thác Bà, Sơn La.**

C. Đa Nhim, Thác Bà, Sơn La. D. Hòa Bình, Thác Bà, Trị An.

Câu 13: Đặc điểm **không phải** của khu vực dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là

A. cơ cấu khá đa dạng.

B. tập trung chủ yếu ở nông thôn.

C. Hà Nội là trung tâm dịch vụ lớn nhất của vùng.

D. chiếm tỷ trọng cao nhất trong GDP.

Câu 14: Một trong những khó khăn lớn nhất về tự nhiên ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của nhân dân vùng Bắc Trung Bộ là

A. tài nguyên khoáng sản hạn chế.

B. cơ sở hạ tầng thấp kém.

C. mật độ dân cư thấp.

D. thiên tai thường xuyên xảy ra.

Câu 15: Đặc điểm kinh tế - xã hội **không phải** của Đồng bằng sông Hồng là

A. vùng có lịch sử khai thác sớm nhất cả nước. **B. sản lượng lúa lớn nhất cả nước.**

C. dân số tập trung đông nhất cả nước.

D. năng suất lúa cao nhất cả nước.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, tỉ trọng GDP của vùng Bắc Trung Bộ so với GDP cả nước năm 2007 là

A. 9,8%.

B. 7,8%.

C. 6,8%.

D. 8,8%.

Câu 17: Hai trung tâm kinh tế lớn nhất ở Đồng bằng sông Hồng là

A. Hà Nội và Hải Dương.

B. Hà Nội và Hải Phòng.

C. Hà Nội và Nam Định.

D. Hà Nội và Hà Đông.

Câu 18: So với khu vực Tây Bắc, khu vực Đông Bắc của miền Trung du và miền núi Bắc Bộ có

A. mùa đông đến sớm và kết thúc muộn hơn.

B. mùa đông đến sớm và kết thúc sớm hơn.

C. mùa đông đến muộn và kết thúc muộn hơn.

D. mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn.

Câu 19: Ở vùng Đồng bằng sông Hồng, sông Hồng **không có** ý nghĩa nào đối với sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư?

A. Cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt.

B. Bồi đắp phù sa

C. Mở rộng diện tích về phía vịnh Bắc Bộ.

D. Trao đổi buôn bán trên sông.

Câu 20: Các tỉnh, thành phố **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ là

A. Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Trị.

B. Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình.

C. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

D. Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Thừa Thiên – Huế.

II. TỰ LUẬN (5 điểm).

Câu 1 (2 điểm). Hãy nêu những thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

Câu 2 (1 điểm): Tại sao trung du Bắc Bộ là địa bàn đông dân và phát triển kinh tế xã hội cao hơn miền núi Bắc Bộ?

Câu 3 (2 điểm). Cho bảng số liệu sau

Tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực, bình quân lương thực đầu người ở Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1995-2007 (Đơn vị: %)

Tiêu chí	Năm				
	1995	1998	2000	2005	2007
Dân số	100	104.8	107.8	115.4	118.3
Sản lượng lương thực	100	117.7	132.1	151.6	154.0
Bình quân lương thực đầu người	100	112.3	122.5	131.3	130.1

a. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ gia tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực đầu người ở Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1995-2007.

b. Hãy cho biết việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số có ảnh hưởng như thế nào tới đảm bảo lương thực của vùng?

ĐỀ 4

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm) Chọn chữ cái trước đáp án đúng

Câu 1: Đặc điểm kinh tế - xã hội **không phải** của Đồng bằng sông Hồng là

- A. vùng có lịch sử khai thác sớm nhất cả nước. **B. sản lượng lúa lớn nhất cả nước.**
C. dân số tập trung đông nhất cả nước. D. năng suất lúa cao nhất cả nước.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, tỉ trọng GDP của vùng Bắc Trung Bộ so với GDP cả nước năm 2007 là

- A. 9,8%. B. 7,8%. **C. 6,8%.** D. 8,8%.

Câu 3: Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là

- A. duyên hải Nam Trung Bộ. B. Bắc Trung Bộ.
C. trung du và miền núi Bắc Bộ. **D. đồng bằng sông Hồng.**

Câu 4: Diện tích tự nhiên của vùng Bắc Trung Bộ là 95,8 nghìn km², dân số là 19,8 triệu người (2016). Vậy mật độ dân số của Bắc Trung Bộ là

- A. 153 người/km². B. 189,6 người/km².
C. 206,7 người/km². D. 151,5 người/km².

Câu 5: Cây công nghiệp được coi là thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. hồ tiêu. **B. chè.** C. cà phê. D. cao su.

Câu 6: Vị trí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ không có những đặc điểm nào sau đây?

- A. Giáp vùng kinh tế duyên hải Nam Trung Bộ, đồng bằng sông Cửu Long.**
B. Vùng biên rộng ở Đông Nam
C. Trục thuộc khu vực gió mùa ngoại chí tuyến
D. Giáp Trung Quốc, Thượng Lào

Câu 7: Với diện tích 95.222,3 km² và dân số năm 2016 là 12 triệu người, mật độ dân số của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. 128 người/ km². **B. 126 người/km².** C. 162 người/ km². D. 182 người/ km².

Câu 8: Khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. dầu khí. B. bôxít. C. vàng. **D. than.**

Câu 9: Các nhà máy thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Hòa Bình, Trị An, Sơn La. **B. Hòa Bình, Thác Bà, Sơn La.**
C. Đa Nhim, Thác Bà, Sơn La. D. Hòa Bình, Thác Bà, Trị An.

Câu 10: Thế mạnh nào sau đây **không phải** của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Chăn nuôi gia cầm (đặc biệt là vịt đàn)**
B. Phát triển tổng hợp kinh tế biển và du lịch.
C. Trồng và chế biến cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới.
D. Khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện.

Câu 11: Ven biển của vùng Bắc Trung Bộ có khả năng phát triển

A. đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

B. chăn nuôi gia súc.

C. khai thác dầu khí.

D. trồng cây công nghiệp lâu năm.

Câu 12: Giao thông vận tải có vai trò quan trọng trong nền kinh tế của Bắc Trung Bộ do

A. có nhiều tuyến đường nối các cảng biển của Việt Nam với Lào.

B. nằm trên tuyến đường hàng hải quốc tế.

C. có nhiều tuyến giao thông quan trọng đi qua.

D. là địa bàn trung chuyển hàng hóa Bắc – Nam và Tây – Đông.

Câu 13: Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống

A. sông Hồng và sông Lục Nam.

B. sông Hồng và sông Đà.

C. sông Hồng và sông Thái Bình.

D. sông Hồng và sông Cầu.

Câu 14: Hai trung tâm kinh tế lớn nhất ở Đồng bằng sông Hồng là

A. Hà Nội và Hải Dương.

B. Hà Nội và Hải Phòng.

C. Hà Nội và Nam Định.

D. Hà Nội và Hà Đông.

Câu 15: So với khu vực Tây Bắc, khu vực Đông Bắc của miền Trung du và miền núi Bắc Bộ có

A. mùa đông đến sớm và kết thúc muộn hơn.

B. mùa đông đến sớm và kết thúc sớm hơn.

C. mùa đông đến muộn và kết thúc muộn hơn.

D. mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn.

Câu 16: Ở vùng Đồng bằng sông Hồng, sông Hồng **không có** ý nghĩa nào đối với sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư?

A. Cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt.

B. Bồi đắp phù sa

C. Mở rộng diện tích về phía vịnh Bắc Bộ.

D. Trao đổi buôn bán trên sông.

Câu 17: Các tỉnh, thành phố **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ là

A. Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Trị.

B. Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình.

C. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

D. Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Thừa Thiên – Huế.

Câu 18: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng lãnh thổ phía nào?

A. Bắc

B. Tây

C. Đông

D. Nam

Câu 19: Đặc điểm **không phải** của khu vực dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là

A. cơ cấu khá đa dạng.

B. tập trung chủ yếu ở nông thôn.

C. Hà Nội là trung tâm dịch vụ lớn nhất của vùng.

D. chiếm tỷ trọng cao nhất trong GDP.

Câu 20: Một trong những khó khăn lớn nhất về tự nhiên ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của nhân dân vùng Bắc Trung Bộ là

A. tài nguyên khoáng sản hạn chế.

B. cơ sở hạ tầng thấp kém.

C. mật độ dân cư thấp.

D. thiên tai thường xuyên xảy ra.

II. TỰ LUẬN (5 điểm).

Câu 1 (2 điểm). Hãy nêu những thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

Câu 2 (1 điểm): Tại sao trung du Bắc Bộ là địa bàn đông dân và phát triển kinh tế xã hội cao hơn miền núi Bắc Bộ?

Câu 3 (2 điểm). Cho bảng số liệu sau

Tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực, bình quân lương thực đầu người ở Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1995-2007 (Đơn vị: %)

Tiêu chí	Năm				
	1995	1998	2000	2005	2007
Dân số	100	104.8	107.8	115.4	118.3
Sản lượng lương thực	100	117.7	132.1	151.6	154.0
Bình quân lương thực đầu người	100	112.3	122.5	131.3	130.1

a. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ gia tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực đầu người ở Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1995-2007.

b. Hãy cho biết việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số có ảnh hưởng như thế nào tới đảm bảo lương thực của vùng?

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	Đề 1	Đề 2	Đề 3	Đề 4
1	B	B	A	B
2	A	D	C	C
3	D	B	B	D
4	C	B	A	C
5	A	D	D	B
6	C	B	A	A
7	B	A	A	B
8	A	D	D	D
9	B	C	C	B
10	D	A	B	A
11	B	B	D	A
12	B	C	B	D
13	D	D	B	C
14	B	A	D	B
15	C	C	B	A
16	D	B	C	D
17	A	A	B	C
18	A	A	A	A
19	D	D	D	B
20	C	C	C	D

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 1 (2 điểm) : Những thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên của Trung du và miền núi Bắc Bộ:

- Địa hình, đất: vùng có địa hình đồi bát úp xen kẽ những cánh đồng thung lung bằng phẳng, kết hợp với đất feralit màu mỡ => thuận lợi cho việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp (cây chè,...), xây dựng các khu công nghiệp và đô thị.
- Khí hậu: khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh, phân hóa đa dạng. => Thuận lợi để phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm, cây dược liệu, cây ăn quả ôn đới và cận nhiệt; trồng rừng, chăn nuôi gia súc lớn.

- Tài nguyên khoáng sản: vùng tập trung khoáng sản đa dạng và giàu có nhất cả nước (than, sắt, đồng, thiếc, apatit, kẽm, crom...), đặc biệt là than đá (Quảng Ninh) ⇒ Phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản.
- Tài nguyên rừng khá giàu có, vùng có tỉ lệ che phủ rừng cao nhất cả nước, trong rừng còn nhiều lâm sản quý và các loài chim thú.
- Tài nguyên nước:
 - + Vùng biển Quảng Ninh có nhiều vũng vịnh đẹp (vịnh Hạ Long), các bãi biển, bãi tôm bãi cá. ⇒ Thuận lợi cho du lịch biển, xây dựng cảng biển, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.
 - + Có nhiều hệ thống sông lớn, chảy qua địa hình dốc nên tiềm năng thủy điện lớn (lớn thứ 2 cả nước sau Tây Nguyên).
 - + Các nguồn nước nóng, nước khoáng...
 - + Tài nguyên du lịch tự nhiên rất phong phú: SaPa, Hồ Ba Bể.

Câu 2 (1 điểm):

* Vì Trung du có nhiều điều kiện thuận lợi:

- Khu vực trung du nằm liền kề với đồng bằng sông Hồng là vùng kinh tế phát triển nhất cả nước, tạo nhiều cơ hội giao lưu trao đổi hàng hóa, tiếp thu nhiều công nghệ thành tựu mới, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của miền.
- Trung du có địa hình thấp và bằng phẳng và ít hiểm trở hơn miền núi, giao thông đi lại dễ dàng hơn, nhiều cơ sở công nghiệp và đô thị đang được hình thành và phát triển tập trung đông dân.
- Nguồn nước cho sản xuất và cho sinh hoạt dân cư ở vùng trung du đảm bảo tốt hơn, ít xảy ra tai biến thiên nhiên hơn (lũ quét, trượt lở đất đá...).
- Trung du có lịch sử khai thác sớm hơn miền núi Bắc Bộ.

* Miền núi Bắc Bộ có khó khăn cho sản xuất và đời sống:

- Địa hình núi cao hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn.
- Thời tiết diễn biến thất thường, nhiều thiên tai: mưa đá, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất

Câu 3 (2 điểm) :

- **Vẽ biểu đồ:** Vẽ đúng, đẹp, chính xác

- Giảm tỉ lệ gia tăng dân số có ảnh hưởng tới đảm bảo lương thực của vùng: Khiến cho dân số tăng chậm hơn mức tăng của sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người. Vấn đề an ninh lương thực được đảm bảo

GV BỘ MÔN

NT/TTCM DUYỆT

BGH DUYỆT

Trần Thị Ngoan

Hoàng Thu Hiền

Đặng Thị Tuyết Nhung

ĐỀ 5

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm) Chọn chữ cái trước đáp án đúng

Câu 1: Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống

- A. sông Hồng và sông Lục Nam. B. sông Hồng và sông Đà.
C. sông Hồng và sông Thái Bình. D. sông Hồng và sông Cầu.

Câu 2: Hai trung tâm kinh tế lớn nhất ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. Hà Nội và Hải Dương. B. Hà Nội và Hải Phòng.
C. Hà Nội và Nam Định. D. Hà Nội và Hà Đông.

Câu 3: So với khu vực Tây Bắc, khu vực Đông Bắc của miền Trung du và miền núi Bắc Bộ có

- A. mùa đông đến sớm và kết thúc muộn hơn.
B. mùa đông đến sớm và kết thúc sớm hơn.
C. mùa đông đến muộn và kết thúc muộn hơn.
D. mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn.

Câu 4: Đặc điểm kinh tế - xã hội **không phải** của Đồng bằng sông Hồng là

- A. vùng có lịch sử khai thác sớm nhất cả nước. B. sản lượng lúa lớn nhất cả nước.
C. dân số tập trung đông nhất cả nước. D. năng suất lúa cao nhất cả nước.

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, tỉ trọng GDP của vùng Bắc Trung Bộ so với GDP cả nước năm 2007 là

- A. 9,8%. B. 7,8%. C. 6,8%. D. 8,8%.

Câu 6: Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là

- A. duyên hải Nam Trung Bộ. B. Bắc Trung Bộ.
C. trung du và miền núi Bắc Bộ. D. đồng bằng sông Hồng.

Câu 7: Diện tích tự nhiên của vùng Bắc Trung Bộ là 95,8 nghìn km², dân số là 19,8 triệu người (2016). Vậy mật độ dân số của Bắc Trung Bộ là

- A. 153 người/km². B. 189,6 người/km².
C. 206,7 người/km². D. 151,5 người/km².

Câu 8: Cây công nghiệp được coi là thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. hồ tiêu. B. chè. C. cà phê. D. cao su.

Câu 9: Vị trí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ không có những đặc điểm nào sau đây?

- A. Giáp vùng kinh tế duyên hải Nam Trung Bộ, đồng bằng sông Cửu Long.
B. Vùng biển rộng ở Đông Nam
C. Trục thuộc khu vực gió mùa ngoại chí tuyến
D. Giáp Trung Quốc, Thượng Lào

Câu 10: Với diện tích 95.222,3 km² và dân số năm 2016 là 12 triệu người, mật độ dân số của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. 128 người/ km². **B. 126 người/km².** C. 162 người/ km². D. 182 người/ km².

Câu 11: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng lãnh thổ phía nào?

- A. Bắc** B. Tây C. Đông D. Nam

Câu 12: Đặc điểm **không phải** của khu vực dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. cơ cấu khá đa dạng.
B. tập trung chủ yếu ở nông thôn.
C. Hà Nội là trung tâm dịch vụ lớn nhất của vùng.
D. chiếm tỷ trọng cao nhất trong GDP.

Câu 13: Một trong những khó khăn lớn nhất về tự nhiên ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của nhân dân vùng Bắc Trung Bộ là

- A. tài nguyên khoáng sản hạn chế. B. cơ sở hạ tầng thấp kém.
C. mật độ dân cư thấp. **D. thiên tai thường xuyên xảy ra.**

Câu 14: Khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. dầu khí. B. bôxít. C. vàng. **D. than.**

Câu 15: Các nhà máy thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Hòa Bình, Trị An, Sơn La. **B. Hòa Bình, Thác Bà, Sơn La.**
C. Đa Nhim, Thác Bà, Sơn La. D. Hòa Bình, Thác Bà, Trị An.

Câu 16: Thế mạnh nào sau đây **không phải** của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Chăn nuôi gia cầm (đặc biệt là vịt đàn)**
B. Phát triển tổng hợp kinh tế biển và du lịch.
C. Trồng và chế biến cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới.
D. Khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện.

Câu 17: Ven biển của vùng Bắc Trung Bộ có khả năng phát triển

- A. đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.** B. chăn nuôi gia súc.
C. khai thác dầu khí. D. trồng cây công nghiệp lâu năm.

Câu 18: Giao thông vận tải có vai trò quan trọng trong nền kinh tế của Bắc Trung Bộ do

- A. có nhiều tuyến đường nối các cảng biển của Việt Nam với Lào.
B. nằm trên tuyến đường hàng hải quốc tế.
C. có nhiều tuyến giao thông quan trọng đi qua.
D. là địa bàn trung chuyển hàng hóa Bắc – Nam và Tây – Đông.

Câu 19: Ở vùng Đồng bằng sông Hồng, sông Hồng **không có** ý nghĩa nào đối với sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư?

- A. Cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt. B. Bồi đắp phù sa
C. Mở rộng diện tích về phía vịnh Bắc Bộ. **D. Trao đổi buôn bán trên sông.**

Câu 20: Các tỉnh, thành phố **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ là

- A. Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Trị. B. Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình.
C. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi. D. Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Thừa Thiên – Huế.

II. TỰ LUẬN (5 điểm).

Câu 1 (2 điểm). Hãy nêu những thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

Câu 2 (1 điểm): Nêu ý nghĩa của việc phát triển nghề rừng theo hướng nông-lâm kết hợp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ

Câu 3 (2 điểm). Cho bảng số liệu sau

Tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực, bình quân lương thực đầu người ở Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1995-2007 (Đơn vị: %)

Tiêu chí	Năm				
	1995	1998	2000	2005	2007
Dân số	100	104.8	107.8	115.4	118.3
Sản lượng lương thực	100	117.7	132.1	151.6	154.0
Bình quân lương thực đầu người	100	112.3	122.5	131.3	130.1

a. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ gia tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực đầu người ở Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1995-2007.

b. Hãy cho biết việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số có ảnh hưởng như thế nào tới đảm bảo lương thực của vùng?

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
C	B	A	B	C	D	C	B	A	B
Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16	Câu 17	Câu 18	Câu 19	Câu 20
A	B	D	D	B	A	A	D	D	C

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 1 (2 điểm) : Những thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên của Trung du và miền núi Bắc Bộ:

- Địa hình, đất: vùng có địa hình đồi bát úp xen kẽ những cánh đồng thung lung bằng phẳng, kết hợp với đất feralit màu mỡ => thuận lợi cho việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp (cây chè,...), xây dựng các khu công nghiệp và đô thị.
- Khí hậu: khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh, phân hóa đa dạng. => Thuận lợi để phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm, cây dược liệu, cây ăn quả ôn đới và cận nhiệt; trồng rừng, chăn nuôi gia súc lớn.
- Tài nguyên khoáng sản: vùng tập trung khoáng sản đa dạng và giàu có nhất cả nước (than, sắt, đồng, thiếc, apatit, kẽm, crom...), đặc biệt là than đá (Quảng Ninh) => Phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản.
- Tài nguyên rừng khá giàu có, vùng có tỉ lệ che phủ rừng cao nhất cả nước, trong rừng còn nhiều lâm sản quý và các loài chim thú.
- Tài nguyên nước:
 - + Vùng biển Quảng Ninh có nhiều vũng vịnh đẹp (vịnh Hạ Long), các bãi biển, bãi tôm bãi cá. => Thuận lợi cho du lịch biển, xây dựng cảng biển, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.
 - + Có nhiều hệ thống sông lớn, chảy qua địa hình dốc nên tiềm năng thủy điện lớn (lớn thứ 2 cả nước sau Tây Nguyên).
 - + Các nguồn nước nóng, nước khoáng...
 - + Tài nguyên du lịch tự nhiên rất phong phú: SaPa, Hồ Ba Bể.

Câu 2 (1 điểm):

Ý nghĩa của việc phát triển nghề rừng theo hướng nông - lâm kết hợp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ:

- Mang lại nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, thúc đẩy phát triển kinh tế của vùng, tạo việc làm và nâng cao đời sống người dân.
- Góp phần phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, hạn chế thiên tai lũ lụt, sạt lở, xói mòn đất...
- Bảo vệ nguồn nước ngầm, điều hòa khí hậu, cân bằng môi trường sinh thái.
- Điều tiết nguồn nước ở các hồ thủy điện, thủy lợi.

Câu 3 (2 điểm) :

- **Vẽ biểu đồ:** Vẽ đúng, đẹp, chính xác

- Giảm tỉ lệ gia tăng dân số có ảnh hưởng tới đảm bảo lương thực của vùng: Khiến cho dân số tăng chậm hơn mức tăng của sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người. Vấn đề an ninh lương thực được đảm bảo

GV BỘ MÔN

NT/TTCM DUYỆT

BGH DUYỆT

Trần Thị Ngoan

Hoàng Thu Hiền

Đặng Thị Tuyết Nhung